TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 12/2025/QĐST-HNGĐ	*N...., ngày 05 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬNCỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 và Điều 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Điều 144 và Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 và danh mục lệ phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 46/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025, về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận về nuôi con"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1981;

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: thôn 4, xã Đ, huyện N, tỉnh K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh B thỏa thuận thuận tình ly hôn với lý do vợ chồng chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không hạnh phúc.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, được chấp nhận theo Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh B có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 02/8/2002; Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 21/12/2005; Nguyễn Ngọc Bảo Q, sinh ngày 12/10/2016. Hiện nay hai con Nguyễn Thị Ngọc N và Nguyễn Thị Yến N đã trưởng thành và tự lập được nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với con Nguyễn Ngọc Bảo Q khi ly hôn anh B và chị H thoả thuận, chị H sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động; về cấp dưỡng nuôi con anh, chị tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa án không đề cập xem xét.

[4] Về lệ phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H nhận nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), để nộp ngân sách nhà nước.

[5] Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh B thuận tình ly hôn. Hôn nhân giữa chị H và anh B chấm dứt kể từ ngày ban hành quyết định này, ngày 05/5/2025.

1.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh B có 03 con chung là: Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 02/8/2002; Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 21/12/2005; Nguyễn Ngọc Bảo Q, sinh ngày 12/10/2016. Khi ly hôn anh chị thoả thuận: Chị Nguyễn Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Ngọc Bảo Q, cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con anh, chị tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với con Nguyễn Thị Ngọc N và Nguyễn Thị Yến N hiện nay đã trưởng thành và tự lập được nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi ly hôn, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

1.3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thanh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H nhận nộp toàn bộ lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), chuyển số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị H đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Toà án, thành tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí ký hiệu: BLTU/23, số 0002199 ngày 11-4-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K, chị H đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã S, huyện.N;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Bá Khen